

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 239/2000/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/1999/NĐ-CP ngày 4/9/1999

của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải

Căn cứ Điều 40 của Nghị định số 92/1999/NĐ-CP ngày 4/9/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải (sau đây gọi tắt là Nghị định), Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết để thống nhất thực hiện một số điều khoản của Nghị định này như sau:

1. Tàu thuyền nói trong Nghị định được hiểu là tàu biển, tàu sông và tất cả các loại phương tiện thủy khác của Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc các khu vực hàng hải ở Việt Nam.
2. Thời gian theo quy định nói tại điểm đ, khoản 2, Điều 7 của Nghị định là thời gian quy định tại Điều 13 của Thẻ lệ bốc dỡ, giao nhận và bảo quản hàng hoá tại cảng biển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 2106/QĐ-GTVT ngày 23/8/1997.
3. Cảng hoặc vùng nước chưa được công bố cho tàu ra vào hoặc neo đậu nói tại khoản 3, Điều 7 của Nghị định theo quy định được hiểu là cảng hoặc vùng nước chưa được cơ quan chức trách có thẩm quyền công bố bằng văn bản cho phép được tiếp nhận tàu ra vào hoạt động.
4. Giấy phép rời cảng cuối cùng quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 13 của Nghị định được hiểu là Giấy phép rời cảng cuối cùng do cơ quan chức trách có thẩm quyền cấp. Đối với các thương cảng của Việt Nam, Cơ quan chức trách có thẩm quyền là Cảng vụ hàng hải và Cảng vụ thủy nội địa cấp.
5. Các dấu hiệu cảnh báo hoặc chỉ dẫn cần thiết ở những nơi dễ cháy, dễ nổ nói tại điểm b, khoản 2, Điều 15 của Nghị định được hiểu là theo quy định có liên quan của

Quy phạm Việt Nam hiện hành và Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng người trên biển năm 1974 và các quy định sửa đổi, bổ sung có hiệu lực của Công ước đối với Việt Nam.

6. Sơ đồ hệ thống cứu hỏa, bảng phân công cứu hoả và bảng chỉ dẫn thao tác trên tàu nói tại điểm c, khoản 2, Điều 15 của Nghị định được hiểu là theo quy định có liên quan của Quy phạm Việt Nam hiện hành và Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng người trên biển năm 1974 và các quy định sửa đổi, bổ sung có hiệu lực của Công ước đối với Việt Nam.

7. Các trang thiết bị cứu hoả theo quy định của pháp luật Việt Nam nói tại điểm a, khoản 3, Điều 15 của Nghị định được hiểu là quy định về số lượng, chất lượng các thiết bị và trang bị phòng chống cháy phù hợp với Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị và danh mục trang thiết bị trên tàu theo Quy phạm Việt Nam và Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng người trên biển năm 1974 và các quy định sửa đổi bổ sung có hiệu lực của Công ước đối với Việt Nam, được cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền cấp.

8. Quy định về trang thiết bị lọc dầu, nước la canh theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia nói tại điểm a, khoản 2, Điều 16 của Nghị định được hiểu là theo Quy phạm của Việt Nam và Công ước quốc tế về ô nhiễm biển do tàu gây ra 1973 và các quy định sửa đổi, bổ sung có hiệu lực của Công ước đối với Việt Nam.

9. Quy định về số lượng khách nói tại điểm đ, khoản 1, Điều 17 của Nghị định được hiểu là số lượng ghi trong Giấy chứng nhận chở khách hoặc Giấy chứng nhận an toàn tàu khách và danh mục trang thiết bị của tàu.

10. Quy định về số lượng thuyền viên nói tại điểm c, khoản 2, Điều 17 của Nghị định được hiểu là số lượng thuyền viên bố trí đảm nhiệm chức danh trên tàu không ít hơn số lượng ghi trong Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu và không quá số lượng thuyền viên quy định trong Giấy chứng nhận trang thiết bị an toàn của tàu. Số thuyền viên bố trí đảm nhiệm chức danh trên tàu có ghi trong Sổ Danh bạ thuyền viên của tàu.